

738W
ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Số: 3441/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 31 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng
nâng cấp đường Hương lộ 9, huyện Vĩnh Cửu**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Theo đề nghị của UBND huyện Vĩnh Cửu tại Tờ trình số 98/TTr-UBND ngày 04/10/2019, Kết quả thẩm định của Sở Giao thông Vận tải tại Văn bản số

6950/SGTVT-QLGT ngày 29/10/2019 và Ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 864/TTr-SKHĐT ngày 31/10/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Nâng cấp đường Hương lộ 9, huyện Vĩnh Cửu; như sau:

1. Tên dự án: Nâng cấp đường Hương lộ 9, huyện Vĩnh Cửu.
2. Địa điểm: xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu.
3. Chủ đầu tư: UBND huyện Vĩnh Cửu.
4. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Quỳnh Anh.
5. Chủ nhiệm lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: KS Võ Trung Thân.
6. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Nhằm tăng cường hệ thống đường giao thông trong khu vực, đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa, an ninh quốc phòng, phát huy năng lực hoạt động của các tuyến đường từ tuyến đường nội huyện đến đường liên tỉnh, hoàn thiện tuyến đường giao thông huyết mạch theo quy hoạch chung của tỉnh Đồng Nai và quy hoạch giao thông vận tải của huyện Vĩnh Cửu.
7. Quy chuẩn kỹ thuật, Tiêu chuẩn áp dụng được lựa chọn:
 - a) Áp dụng cho công tác khảo sát, thiết kế.
 - Quy trình khảo sát đường Ôtô 22TCN 263 - 2000.
 - Quy phạm đo vẽ địa hình 96 TCN 43-90.
 - Công tác trắc địa trong xây dựng - Yêu cầu chung - TCVN 9398-2012.
 - Tiêu chuẩn kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình TCVN 9401:2012.
 - Quy trình khảo sát và thiết kế nền đường ô tô đắp trên đất yếu 22 TCN 262 - 2000.
 - Đất xây dựng - Phương pháp chỉnh lý kết quả thí nghiệm mẫu đất TCVN 9153:2012.
 - Phương pháp xác định các chỉ tiêu mẫu đất theo TCVN 4198-2014, TCVN 4196-2012, TCVN 4202-2012, TCVN 4195-2012, TCVN 4197-2012, TCVN 4199-1995, TCVN 4200-2012.
 - Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế TCVN 4054 : 2005.
 - Tiêu chuẩn thiết kế cầu TCVN 11823:2017.
 - Tiêu chuẩn thiết kế cầu 22TCN 272-05.

- Áo đường mềm - các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế 22 TCN 211 - 06.
- Quy trình khảo sát và thiết kế nền đường ô tô đắp trên đất yếu 22 TCN 262 - 2000.
- Tiêu chuẩn tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ TCVN 9845:2013.
- Thoát nước - mạng lưới và công trình bên ngoài - tiêu chuẩn thiết kế: TCVN 7957-2008.
- Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 2737:1995.
- Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Yêu cầu thiết kế: TCVN 5574-2012.
- Tiêu chuẩn ống BTCT thoát nước TCVN 9113-2012.
- Tiêu chuẩn thiết kế mương/cống: Cống trên lề đường thiết kế tải trọng tiêu chuẩn 300kg/m^2 .
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN41:2016/BGTVT.
- b) Áp dụng cho công tác thi công và nghiệm thu.
 - Quy trình lập thiết kế tổ chức xây dựng và thiết kế thi công TCVN 4252:2012.
 - Công trình xây dựng - Tổ chức thi công TCVN 4055:2012.
 - Tiêu chuẩn Việt Nam - Công tác đất - Quy phạm thi công và nghiệm thu - TCVN 4447 -2012.
 - Công tác nền móng - Thi công và nghiệm thu: TCVN 9361: 2012.
 - Quy trình kỹ thuật thi công và nghiệm thu các lớp kết cấu áo đường bằng cấp phối thiên nhiên: TCVN 8857-2011.
 - Tiêu chuẩn quốc gia: TCVN 9504-2012 thi công và nghiệm thu lớp kết cấu áo đường đá dăm nước.
 - Tiêu chuẩn Việt nam yêu cầu kỹ thuật về nhựa đường lỏng TCVN 8818-1:2011.
 - Tiêu chuẩn Việt nam hỗn hợp bê tông nhựa nóng - Thiết kế theo phương pháp Marshall TCVN 8820:2011.
 - Mặt đường Bê tông nhựa nóng - yêu cầu thi công và nghiệm thu TCVN 8819:2011.
 - Quy phạm thi công và nghiệm thu cầu cống 22 TCN 266:2000.
 - Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu TCVN 9436:2012.
 - Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép hướng dẫn kỹ thuật phòng chống nứt dưới tác dụng của mùa khí hậu nóng ẩm TCVN9345:2012.
 - Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép - Thi công và nghiệm thu: TCVN 9115: 2012.
 - Màng phản quang dùng cho báo hiệu đường bộ TCVN 7887: 2008.
 - Bitum-Yêu cầu kỹ thuật TCVN 7493: 2005.

- Nhũ tương nhựa đường axit- Phần 1-Yêu cầu kỹ thuật TCVN 8817-1:2011.
- Tiêu chuẩn quốc gia: TCVN 8818-2011 nhựa đường lỏng yêu cầu kỹ thuật.
- Sơn tín hiệu giao thông – Vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo – Yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, thi công và nghiệm thu TCVN 8791:2011.
- Sơn tín hiệu giao thông. Sơn vạch đường hệ dung môi. Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử TCVN 8787:2011.
- Và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan.

8. Quy mô đầu tư: Dự án trọng điểm nhóm C:

a) Phần đường giao thông:

- Nâng cấp tuyến đường hiện hữu dài 7425m với tiêu chuẩn đường cấp IV, điểm đầu tuyến giao với đường ĐT. 768 , điểm cuối tuyến tại Km7+425 (thuộc tuyến đường Hương lộ 9).
- Mặt đường rộng 7m, kết cấu bê tông nhựa nóng; Lề đường mỗi bên rộng 1m bằng đất chọn lọc; Nền đường rộng 9m. Mô đun đàn hồi Eyc = 133 Mpa, vận tốc thiết kế 60km/h. Tại những vị trí địa hình khó khăn vận tốc thiết kế 40km/h.

b) Phần cầu:

- Mở rộng cầu Tân Triều. Cầu bê tông cốt thép và bê tông cốt thép dự ứng lực, quy mô vĩnh cửu. Tải trọng xe thiết kế HL93, Tải trọng người đi bộ 3 kPa, không thông thuyền.

9. Loại và cấp công trình: Công trình giao thông đường bộ cấp II theo phân cấp công trình tại Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng. Tiêu chuẩn kỹ thuật đường cấp IV.

10. Số bước thiết kế: 02 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

11. Nội dung thiết kế:

11.1 Phần đường giao thông:

- Nền đường rộng 9m; mặt đường rộng 7m; lề rộng 1m * 2 bên (trong đó phần lề gia cố rộng 0,5mx2; riêng các đoạn có mương BTCT dọc lề gia cố rộng 1mx2)

- Kết cấu áo đường loại 1: Sử dụng cho phần mở rộng, lề gia cố.

+ BTNC C19 dày 7cm;

+ Tưới nhựa thấm bảm tiêu chuẩn 1,0 kg/m²;

+ Trãi cán đá dăm nước lớp trên dày 15cm;

+ Trãi cán đá dăm nước lớp dưới dày 15cm;

+ Làm lớp móng sỏi đỏ dày 30 cm, lù lèn đạt độ chặt K>0.98

+ Nền đường lù lèn đạt độ chặt K > 0,95.

- Kết cấu áo đường loại 2: Sử dụng cho phần nâng cấp:
 - + BTNC C19 dày 7cm;
 - + Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0 kg/m²;
 - + Bù vênh mặt đường nhựa hiện hữu bằng đá dăm nước, dày tối thiểu 15cm;

- Xử lý mặt đường hiện hữu hư hỏng (Lún, ổ gà,...):
 - + BTNC C19 dày 7cm;
 - + Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0 kg/m²;
 - + Trải cán đá dăm nước lớp trên dày 15cm;
 - + Trải cán đá dăm nước lớp dưới dày 15cm;
 - + Làm lớp móng sỏi đỏ dày 30 cm, lu lèn đạt độ chặt K>0.98
 - + Đào bỏ kết cấu áo đường hư hỏng; lu lèn nền đường K≥95.

11.2. Phần cầu:

- Mặt cắt ngang cầu hiện hữu:

+ Phần xe chạy :		4,5 m
------------------	--	-------

+ Lê bộ hành + lan can:	1,1 m x 2 bên	2,2 m
-------------------------	---------------	-------

Tổng cộng:		6,7 m
------------	--	-------

- Mặt cắt ngang cầu sau khi mở rộng:

+ Phần xe chạy :		7,0 m
------------------	--	-------

+ Lê bộ hành :	1,0 m x 2 bên	2,0 m
----------------	---------------	-------

+ Gờ lan can	0,25 m x 2 bên	0,5 m
--------------	----------------	-------

Tổng cộng:		9,5 m
------------	--	-------

- Trong đó phần mở rộng:

+ Bản mặt cầu mở rộng: 3,48m

+ Mố mở rộng: 2,7m

- Kết cấu nhịp: Cầu 1 nhịp dài 24,54m (dầm bê tông cốt thép dự ứng lực);
Dầm chủ: Sử dụng dầm BTCT-DUL "I" L=24,54m.

- Kết cấu phần trên:

+ Mặt cắt ngang gồm 2 phiên dầm "I" 24,54m BTCT DUL đúc sẵn.

+ Bản mặt cầu bằng BTCT f_c=30MPa, dày 18cm, tạo dốc ngang 2%.
Trên bản mặt cầu được phủ lớp phòng nước dạng màng phun.

+ Lớp phủ mặt cầu bằng BTNC dày 6cm tạo dốc ngang 2 mái 2%. Trước khi thi công lớp BTNC cần tưới 1 lớp nhựa dính bám tiêu chuẩn 0,5 kg/m².

+ Khe co giãn: Sử dụng loại khe co giãn ray thép.

- + Gối cầu: Sử dụng gối cao su cốt bản thép.
- + Gờ lan can bằng BTCT $f_c=30\text{Mpa}$ dạng đổ tại chỗ. Lan can và tay vịn bằng thép mạ kẽm, chiều dày mạ kẽm tối thiểu 90mm.
- Kết cấu phần dưới:
 - + Mố cầu dạng mố nhẹ bằng BTCT $f_c=30\text{Mpa}$ đổ tại chỗ. Mố cầu thiết kế kiểu mố chữ U có tường cánh dọc, cầu có 2 mố thiết kế chiều cao mố giống nhau
 - + Móng mố cầu: đặt trực tiếp trên hệ cọc BTCT kích thước 30x30cm (12 cọc 30x40cm, chiều dài cọc dự kiến 16m/cọc).

11.3. An toàn giao thông:

- Bố trí vạch sơn, biển báo đầy đủ tuân thủ theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Báo hiệu đường bộ QCVN 41 -2016.
- Lắp dựng cọc tiêu biển báo theo quy định.
- Bố trí hộ lan mềm tại những vị trí đắp cao

11.4 Phần thoát nước và gia cố mái taluy

- Phần thoát nước dọc: Thoát nước dọc bằng mương đất dọc tuyến. Tại các khu vực đông dân cư bố trí mương BTCT đáy đan khẩu độ 60x60(cm).
- Thoát nước ngang: Tại vị trí tự thủy bố trí các cống ngang đường để đảm bảo thoát nước ngang và đi lại cho người dân; cải tạo thay mới cống ngang hiện hữu đảm bảo khả năng thoát nước (bằng cống tròn đường kính D600, D800, D1000; D1200,...).
- Phần gia cố mái taluy: Gia cố kè mái taluy hai bên đường vào cầu bằng đá hộc xây vữa.

11.5 Di dời hệ thống điện, viễn thông, chiếu sáng.

Di dời hệ thống điện, viễn thông và chiếu sáng tương ứng với mặt cắt ngang nền đường được nâng cấp.

12. Phương án GPMB, tái định cư: Theo quy định của Luật đất đai.

13. Tổng mức vốn đầu tư: **79.788.154.084 đồng**

Trong đó:

+ Chi phí giải phóng mặt bằng	:	6.720.966.250	đồng
+ Chi phí xây dựng	:	55.099.338.435	đồng
+ Chi phí quản lý dự án	:	891.206.754	đồng
+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	5.362.364.288	đồng
+ Chi phí khác	:	3.318.086.202	đồng
+ Chi phí dự phòng	:	8.396.192.155	đồng

14. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh đầu tư phần xây lắp. Phần còn lại đầu tư từ ngân sách huyện.

15. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

16. Phương thức đầu tư: đấu thầu.

17. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2020 - 2022.

18. Các vấn đề cần lưu ý khi triển khai thiết kế bản vẽ thi công:

- Thực hiện các thủ tục về đất đai, môi trường theo quy định trong giai đoạn lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công. Lưu ý hoàn tất việc thực hiện lập kế hoạch bảo vệ môi trường trước khi trình duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công.

- Thực hiện tổ chức thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông theo quy định.

- Sử dụng phần dự phòng đúng mục đích, tránh trường hợp đề nghị phát sinh công việc hoặc tăng thêm hạng mục công trình để sử dụng dự phòng phí.

- Quản lý đầu tư và xây dựng dự án theo quy định.

- Chủ đầu tư chỉ được triển khai các bước tiếp theo sau khi tổ chức điều chỉnh tổng dự toán xây dựng công trình theo văn bản hoặc thông tư của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2018 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 11809/UBND-KTNS ngày 15/10/2019.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Cửu và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng KTN;
- Lưu: VT, KTN (Sơn)

10-31

